

Số: 12//2026/QĐST - DS

Gia Lai , ngày 16 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2026/TLST-DS , ngày 26 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thị T, sinh năm 1952,

CCCD:0521502003274, do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 14/9/2021

Địa chỉ: E N, K, xã T, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn Nguyễn Thị T1, sinh ngày 24/02/1956 , có mặt

CCCD: 052156006790, do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 22/9/2021

Trần Hoàng P, sinh ngày 06/03/1984, có mặt

CCCD: 052084012842, do Cục Q về TT XH ngày 25/9/2021

Đỗ Thị Thu V, sinh ngày 20/10/1980, có mặt

CCCD: 052180007866, do Cục Q về TT XH, ngày 25/9/2021

Địa chỉ: Kp V, xã T, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

*Về số nợ: Bà T1, anh P, bà V thống nhất còn nợ bà Trương Thị Thanh S tiền nợ gốc là 126.000.000đ, nợ lãi tính từ tháng 6 năm 2023 đến ngày 06/3/2026 là 33 tháng $\times 1\% \times 126.000.000\text{đ} = 41.580.000\text{đ}$. Tổng cộng gốc và lãi là 167.580.000đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

*Về cách chia nợ: các bên thống nhất cách chia nợ cụ thể :

-Bà T1 chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 30.000.000đ tiền gốc và 14.000.000đ tiền lãi, tổng cộng 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

-Anh P chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 63.000.000đ và tiền lãi 14.000.000đ, tổng cộng là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng).

- Chị V chịu trách nhiệm trả cho bà T tiền gốc là 33.000.000đ và tiền lãi 13.580.000đ; tổng cộng là 46.580.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

*Về phương thức:

-Bà T1 chịu trách nhiệm trả 30.000.000đ tiền gốc và 14.000.000đ tiền lãi tính đến ngày 06/3/2026, tổng cộng 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng), trả làm 02 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 28/4/2026 trả 20.000.000đ. (Hai mươi triệu đồng).

Lần 2 vào ngày 28/6/2026 trả 24.000.000đ. (Hai mươi bốn triệu đồng).

-Anh P chịu trách nhiệm trả tiền gốc là 63.000.000đ và tiền lãi 14.000.000đ, tổng cộng là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng), trả 04 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 28/7/2026 trả 20.000.000đ. (Hai mươi triệu đồng)

Lần 2 vào ngày 28/09//2026 trả 20.000.000đ. (Hai mươi triệu đồng)

Lần 3 vào ngày 28/11//2026 trả 20.000.000đ. (Hai mươi triệu đồng)

Lần 4 vào ngày 28/12//2026 trả 17.000.000đ. (Mười bảy triệu đồng).

-Chị V chịu trách nhiệm trả tiền gốc là 33.000.000đ và tiền lãi 13.580.000đ tổng cộng là 46.580.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). trả làm 09 lần cụ thể:

Lần 1 vào ngày 15/4/2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 2 vào ngày 15/5/2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 3 vào ngày 15/06//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 4 vào ngày 15/07//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 5 vào ngày 15/08//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 6 vào ngày 15/09//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 7 vào ngày 15/10//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 8 vào ngày 15/11//2026 trả 5.000.000đ. (Năm triệu đồng)

Lần 9 vào ngày 15/12//2026 trả 6.580.000đ.(Sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Đến hạn cam kết trả nợ theo thỏa thuận nếu bà T1, anh P, chị V vi phạm bất kỳ nghĩa vụ lần trả nợ nào thì bà T có quyền yêu cầu thanh toán tất cả các khoản nợ còn lại cho các lần trả nợ tiếp theo của mỗi người.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí DSST: Bà T1 được miễn án phí, anh P phải chịu 1.925.000đ, chị V phải chịu 1.164.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - VKSND Khu vực 2- Gia Lai ;
 - Phòng THADS Khu vực 2- Gia Lai
 - Phòng TT- KTNV & THAHS TAND tỉnh Gia Lai
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bích Thủy

